TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 681/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 27/9/2018
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Hải Quỳnh Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Hoàng Vui;
2. Ông Đặng Bích Thuận.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân Quận S Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận S Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Nguyễn Thị Thanh Loan – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận S Thành phố Hồ Chí Minh – số 99 đường Trần Văn K , Phường M, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh - xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 471/2018/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2018 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 366/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà Trương Thanh T – sinh năm: 1986 *(vắng mặt)*

Thường trú: số 248 đường MXT, Phường H, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh

2. Bị đơn: ông Lý P – sinh năm: 1987 *(vắng mặt)*

Thường trú: số 248 đường MXT, Phường H, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn xin ly hôn ngày 10 tháng 7 năm 2018 và bản tự khai đề ngày 16 tháng 7 năm 2018 của bà Trương Thanh T, bản tự khai ghi ngày 25 tháng 8 năm 2018 của ông Lý P thì các đương sự trình bày: bà T và ông P được Ủy ban nhân dân Phường H Quận S Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 71, quyển số 01/2010 ngày 30/11/2010. Khi mới kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến đầu năm 2017, bà T và ông P thường xuyên P sinh mâu thuẫn, bất hòa nghiêm trọng dẫn đến việc cãi vả liên tục; mâu thuẫn không thể giải quyết, cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc, tình

cảm không còn, không thể hàn gắn. Từ đầu năm 2018 cho đến nay, bà T và ông P đã ly thân. Do đó, bà T nộp đơn yêu cầu Tòa án nhân dân Quận S giải quyết cho bà T được ly hôn với ông P và ông P cũng đồng ý ly hôn với bà T.

- Về con chung: bà T và ông P có 01 con chung tên Lý Ngọc H – sinh ngày 26/10/2011. Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con. Ông P đồng ý giao con chung cho bà T nuôi dưỡng, cấp dưỡng nuôi con tự thỏa thuận

- Về tài sản chung: bà T và ông P tự khai không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà T nộp đơn xin vắng mặt tại các phiên họp, phiên hòa giải, phiên tòa; ngày 25 tháng 8 năm 2018, ông P nộp đơn xin vắng mặt.

Tại phiên tòa sơ thẩm, các đương sự vắng mặt. Viện kiểm sát nhân dân Quận S P biểu: về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật; về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận yêu cầu của bà Trương Thanh T được ly hôn với ông Lý P, chấp nhận giao trẻ Lý Ngọc H – sinh ngày: 26/10/2011 cho bà T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, cấp dưỡng nuôi con tự thỏa thuận; về tài sản chung không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng và thẩm quyền giải quyết:

- Bà Trương Thanh T có đơn xin ly hôn với ông Lý P. Tại thời điểm bà T nộp đơn xin ly hôn thì ông P cư trú tại Quận S, căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, bà T và ông P nộp đơn xin vắng mặt tại phiên họp, phiên hòa giải, phiên tòa. Căn cứ Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được nên Tòa án phải mở phiên tòa xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Trương Thanh T và ông Lý P được Ủy ban nhân dân Phường H Quận S Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 71, quyển số 01/2010 ngày 30/11/2010. Do đó quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông P là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Tại các bản tự khai của bà T và ông P, cả hai đều thống nhất đồng ý ly hôn. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn ông P của bà T.

[3] Về con chung: bà T và ông P xác định có 01 con chung tên Lý Ngọc H – sinh ngày: 26/10/2011. Bà T và ông P thống nhất giao cho bà T được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, bà T không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân gia đình 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung của bà T, ông P không cấp dưỡng nuôi con

[4] Về tài sản chung: bà T và ông P tự khai không có.

[5]Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) do bà T nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 207, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Điều 9, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trương Thanh T với ông Lý P.

2. Về con chung: giao cho bà Trương Thanh T được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Lý Ngọc H – sinh ngày: 26/10/2011; ông Lý P không cấp dưỡng nuôi con.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi quyền nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở họ thực hiện quyền này. Trường hợp thay đổi về nơi sinh sống, học tập của con chung, hai bên đương sự phải có nghĩa vụ thông báo cho nhau biết.

3. Về tài sản chung: bà Trương Thanh T và ông Lý P tự khai không có.

4. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) do bà Trương Thanh T nộp, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) mà bà đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0010014 ngày 13/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận S. Bà Trương Thanh T đã nộp đủ án phí.

5. Giấy chứng nhận kết hôn số 71, quyển số 01/2010 ngày 30/11/2010 do Ủy ban nhân dân Phường H, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh cấp không còn giá trị kể từ ngày bản án này có hiệu lực

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Viện kiểm sát được quyền kháng nghị bản án theo quy định của pháp luật.

7. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận S;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận S;
- UBND Phường H, Quận S;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lưu Hải Quỳnh Anh